

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 25 – 3 – 2026
Về việc ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Tuấn
2. Ông Nguyễn Thành Đến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 38/2026/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2026 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Cù Thị N, sinh ngày 19/9/2001 (vắng mặt)

Số căn cước công dân: 095301002203, cấp ngày 10/5/2021.

Địa chỉ: Ấp N, xã N, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh Tạ Vũ P, sinh ngày 26/12/1997 (vắng mặt)

Số căn cước công dân: 095097003464, cấp ngày 14/8/2021.

Địa chỉ: Ấp H, xã P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 12 năm 2025 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Cù Thị N trình bày: Chị và anh Tạ Vũ P chung sống vợ chồng từ năm 2020, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (nay là Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Cà Mau) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 151 ngày 29 tháng 8 năm 2023. Thời gian đầu, chị và anh P chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 3 năm 2025 (dương lịch), chị và anh P có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, cuộc sống chung không hạnh phúc, anh P hay ghen tuông, không phụ giúp chị về mặt kinh tế gia đình. Từ đầu tháng 5 năm 2025, chị đã về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay. Trong thời gian ly thân, chị và anh P không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P. Về con chung, chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tạ Như Ý, sinh ngày 01/3/2021, chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Hiện cháu Ý đang sống chung với chị. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Tạ Vũ P trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Cù Thị N về thời gian chung sống, việc đăng ký kết hôn, con chung, về tài sản chung và nợ chung. Quá trình chung sống, anh và chị N từ trước đến nay chung sống hạnh phúc, chỉ có cãi vã vài lần. Đến khoảng tháng 5 năm 2025, anh bị tai nạn giao thông thì chị N bỏ đi về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay. Mặc dù nhiều lần anh đã cố gắng hàn gắn nhưng không được. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh thì anh không đồng ý. Về con chung, anh và chị N có một người con chung là cháu Tạ Như Ý, sinh ngày 01/3/2021. Trường hợp Tòa án có căn cứ giải quyết ly hôn thì anh đồng ý cho chị N được chăm sóc, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tạ Như Ý, sinh ngày 01/3/2021, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cà Mau phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giải quyết cho chị Cù Thị N ly hôn với anh Tạ Vũ P. Về con chung, giao cháu Tạ Như Ý, sinh ngày 01/3/2021 cho chị Cù Thị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí, chị N phải chịu 300.000 đồng, anh P không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị Cù Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Tạ Vũ P. Khi khởi kiện, anh Tạ Vũ P trú tại ấp H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp H, xã P, tỉnh Cà Mau). Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp cho người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Chị Cù Thị N và anh Tạ Vũ P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt chị N và anh P.

[3] Về hôn nhân: Chị Cù Thị N và anh Tạ Vũ P xây dựng hôn nhân năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã P, tỉnh Cà Mau) theo giấy chứng nhận kết hôn số 151, cấp ngày 29/8/2023 nên hôn nhân giữa chị N và anh P là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo chị N xác định thời gian đầu, chị và anh P chung sống hạnh phúc, nhưng trong quá trình chung sống chị và anh P có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, cuộc sống chung không hạnh phúc, từ tháng 5/2025 (dương lịch), chị đã về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay. Phía bị đơn anh Tạ Vũ P cũng thống nhất từ tháng 5/2025 (dương lịch) chị N đã đi về nhà cha mẹ ruột sống, không quan tâm, chăm sóc khi anh bị tai nạn giao thông. Xét thấy, theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Xét thấy, như anh P trình bày vào tháng 5/2025 (dương lịch), anh bị tai nạn giao thông

là thời gian anh P rất cần sự quan tâm, chăm sóc nhiều nhất từ chị N. Tuy nhiên, chị N đã về nhà cha mẹ ruột ở, không quan tâm, chăm sóc anh P. Trong thời gian ly thân, chị N và anh P không liên lạc để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa chị N và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, cho chị N được ly hôn với anh P.

[4] Về con chung: Chị Cù Thị N và anh Tạ Vũ P có một người con chung là cháu Tạ Như Ý, sinh ngày 01/3/2021, chị N yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ý, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Anh Tạ Vũ P xác định trong trường hợp Tòa án có căn cứ giải quyết cho chị N ly hôn với anh thì anh đồng ý cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tạ Như Ý, anh không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, chị N có nơi cư trú ổn định, có nghề nghiệp để đảm bảo cuộc sống, điều kiện chăm sóc cháu Ý. Ngoài ra, cháu Tạ Như Ý là bé gái và tính đến thời điểm hiện nay chỉ 5 tuổi nên rất cần sự chăm sóc của mẹ. Vì vậy, để bảo đảm quyền lợi mọi mặt của cháu Tạ Như Ý, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, ghi nhận sự thống nhất của chị N và anh P, cho chị Cù Thị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tạ Như Ý. Hiện nay, cháu Tạ Như Ý đang sống chung với chị N nên chị N được tiếp tục chăm sóc, giáo dục cháu Ý. Anh Tạ Vũ P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Anh Tạ Vũ P không phải chịu án phí.

[8] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cà Mau là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của

Bộ luật Tổ tụng dân sự, Luật tổ tụng hành chính, Luật tư pháp cho người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Căn cứ Điều 19, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Cù Thị N đối với anh Tạ Vũ P. Cho chị Cù Thị N ly hôn với anh Tạ Vũ P.

2. Về con chung: Giao cháu Tạ Như Ý, sinh ngày 01/3/2021 cho chị Cù Thị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện cháu Tạ Như Ý đang sống với chị Cù Thị N. Anh Tạ Vũ P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị Cù Thị N phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị Cù Thị N đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0000915 ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Thị hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí. Anh Tạ Vũ P không phải chịu án phí.

6. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 9 – Cà Mau;
- Thị hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Nguyễn Hồng Đào

